

## 4.3. Hàm tổng hợp

### 4.3.1. AVG

Tính giá trị trung bình của tất cả các giá trị một trường dữ liệu.

**Cú pháp:**

**AVG** (truong\_du\_lieu\_so Số) => DOUBLE

- **truong\_du\_lieu\_so:** Trường dữ liệu cần tính giá trị trung bình với kiểu dữ liệu là DOUBLE, INTEGER, BIGINT, DECIMAL, hoặc FLOAT.

**Ví dụ về AVG:**

```
SELECT AVG(1.5)
-- 1.5
```

**Ví dụ về AVG: cột val[0.6348, -1.301466]:**

```
SELECT AVG("val")
-- -0.333333
```

**Ví dụ về AVG: với hàm GROUP BY:**

```
SELECT mat_hang, AVG(san_luong)
FROM inet.sample
GROUP BY mat_hang
-- Cà rốt, 3000
-- Cam sành, 25.25
-- Ổi, 70
```

### 4.3.2. COUNT

Đếm tổng số lượng của các giá trị trong một trường dữ liệu.

### Cú pháp:

**COUNT** (Truong\_du\_lieu\_so Số) => BIGINT

- **Truong\_du\_lieu\_so**: Trường dữ liệu cần đếm với kiểu dữ liệu dạng số.

### Ví dụ về COUNT:

```
SELECT COUNT(mat_hang)
-- 10
```

### Ví dụ về COUNT: với hàm GROUP BY:

```
SELECT mat_hang, COUNT(san_luong)
FROM inet.sample
GROUP BY mat_hang
-- Cà rốt, 3
-- Cam sành, 5
-- Ổi, 2
```

## 4.3.3. COUNTDISTINCT

Đếm tổng số lượng của các giá trị trong một trường dữ liệu.

### Cú pháp:

**COUNT** (truong\_du\_lieu\_so Số) => BIGINT

- **truong\_du\_lieu\_so**: Trường dữ liệu cần đếm với kiểu dữ liệu dạng số

### Ví dụ về COUNT: với hàm GROUP BY:

```
SELECT mat_hang, COUNT(san_luong)
FROM inet.sample
GROUP BY mat_hang
-- Cà rốt, 3
-- Cam sành, 5
-- Ổi, 2
```

## 4.3.4. COUNTEXISTING

## 4.3.5. COUNTMISING

## 4.3.6. FIRST

## 4.3.7. FIRSTQUATILE

## 4.3.8. LAST

## 4.3.9. MAX

Tính giá trị lớn nhất của các giá trị trong một trường dữ liệu.

**Cú pháp:**

**MAX** (truong\_du\_lieu\_so Số) => BIGINT

- **truong\_du\_lieu\_so:** Trường dữ liệu cần đếm với kiểu dữ liệu dạng số

**Ví dụ về MAX:**

```
SELECT MAX(san_luong)
-- 300
```

**Ví dụ về MAX: với hàm GROUP BY:**

```
SELECT mat_hang, MAX(san_luong)
FROM inet.sample
GROUP BY mat_hang
-- Cà rốt, 300
-- Cam sành, 59
-- Ổi, 272
```

## 4.3.10.MEAN

## 4.3.11.MEDIAN

## 4.3.12.MIN

Tính giá trị nhỏ nhất của các giá trị trong một trường dữ liệu.

**Cú pháp:**

**MIN** (truong\_du\_lieu\_so Số) => BIGINT

- **truong\_du\_lieu\_so:** Trường dữ liệu cần đếm với kiểu dữ liệu dạng số

**Ví dụ về MIN:**

```
SELECT MIN(san_luong)
-- 10
```

**Ví dụ về MIN: với hàm GROUP BY:**

```
SELECT mat_hang, MIN(san_luong)
FROM inet.sample
GROUP BY mat_hang
-- Cà rốt, 46
-- Cam sành, 10
-- Ổi, 39
```

## 4.3.13.P25TH

## 4.3.14.P50TH

## 4.3.15.P75TH

## 4.3.16.P90TH

## 4.3.17.P99TH

## 4.3.18.SECONDQUARTILE

## 4.3.19.STD

## 4.3.20.SUM

Tính tổng của các giá trị trong một trường dữ liệu.

### Cú pháp:

**SUM** (truong\_du\_lieu\_so Số) => DOUBLE

- **truong\_du\_lieu\_so**: Trường dữ liệu tính tổng đếm với kiểu dữ liệu dạng số.

### Ví dụ về SUM:

```
SELECT SUM(san_luong)
-- 10
```

### Ví dụ về SUM: với hàm GROUP BY:

```
SELECT mat_hang, SUM(san_luong)
FROM inet.sample
GROUP BY mat_hang
-- Cà rốt, 46
-- Cam sành, 10
-- Ổi, 39
```

## 1.1.21.THIRDQUATILE

# 1.1.22.VARIANCE

---

Revision #3  
Created 10 July 2024 09:34:44 by Tuấn  
Updated 16 July 2024 09:35:58 by Tuấn